**PHỤ LỤC 01.**

BÁO CÁO VỀ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ  
*(Kèm theo Công văn số 4501/UBCK-CNTT ngày 19/7/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)*

**Công ty:....**

Số:…….

*V/v...*

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. |

Triển khai việc rà soát, đối chiếu dữ liệu nhà đầu tư chứng khoán nhằm phục vụ yêu cầu chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 06/QĐ-TTG ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” và theo yêu cầu tại Công văn số ……../UBCK-CNTT ngày …./7/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Công văn số 6849/VSDC-CNTT.NV ngày 30/5/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Công ty ………..  đã thực hiện rà soát, đối chiếu dữ liệu nhà đầu tư chứng khoán. Công ty ………… báo cáo UBCKNN, VSDC tình hình thực hiện tính đến ngày ……/...../…… như sau:

1. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ:

- Giải pháp xác thực khi nhà đầu tư cập nhật thông tin và khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến (Tên, nhà cung cấp, trình tự các bước xác thực thông tin nhà đầu tư,....).

- Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật liên quan khác.

2. Các công việc đã triển khai:

- Liên hệ yêu cầu nhà đầu tư xác thực và cập nhật thông tin (hình thức liên hệ,...):

- Triển khai chuẩn hóa, xác thực dữ liệu nhà đầu tư có thông tin không trùng khớp với thông tin trên căn cước công dân:

+ Giải pháp, công nghệ để thu thập, kiểm tra, đối chiếu thông tin nhận biết nhà đầu tư tương ứng với thông tin trên căn cước công dân của nhà đầu tư: ...

+ Triển khai các giải pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua kết nối với CSDLQGDC, hệ thống định danh điện tử hoặc căn cước công dân gắn chíp/căn cước khi thực hiện mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của Luật căn cước số 26/2023/QH15 và các văn bản liên quan: ...

+ Số lượng nhà đầu tư đã liên hệ được, số lượng nhà đầu tư đã thực hiện cập nhật, xác thực thông tin theo hướng dẫn (xác thực thông tin qua điện thoại, qua ứng dụng công nghệ, đến trực tiếp,...)....

+ Đối với nhà đầu tư chưa (không) thể tiếp cận được, tính từ thời điểm báo cáo, phân nhóm theo các tiêu chí tại Công văn số ………../UBCK-CNTT ngày …../7/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

(i) Số lượng nhà đầu tư không có phát sinh giao dịch kể từ sau ngày 30/6/2022 và tài khoản của nhà đầu tư không có số dư tiền và số dư chứng khoán:…….

(ii) Số lượng nhà đầu tư không có phát sinh giao dịch kể từ sau ngày 30/6/2022 và tài khoản của nhà đầu tư có số dư tiền hoặc số dư chứng khoán: …….

(iii) Số lượng nhà đầu tư không có thông tin để liên lạc: ....

(iv) Số lượng nhà đầu tư đã xác định chết hoặc mất tích:....

(v) Các trường hợp khác (tên tiêu chí cụ thể):....

(vi) Thời gian dự kiến hoàn thành:.......

- Giải pháp giới hạn về cung cấp dịch vụ trên nguyên tắc đảm bảo các quy định hiện hành để thúc đẩy công tác chuẩn hóa dữ liệu nhà đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính của Công ty: ….

- Về việc thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng triển khai Đề án 06/CP:.....

- Về việc triển khai các giải pháp kỹ thuật để đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu khách hàng:....

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có): …..

3. Về kết quả triển khai, chuẩn hóa thông tin tài khoản giao dịch của nhà đầu tư tính đến ngày…..tháng ….năm…….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Số đầu kỳ** | | | | | **Số cuối kỳ** | | | | | Tổng số tài khoản đã khớp thông tin trong kỳ |
| Tổng số tài khoản có thông tin đã khớp | Tổng số tài khoản có thông tin chưa khớp | | | | Tổng số tài khoản có thông tin đã khớp | Tổng số tài khoản có thông tin chưa khớp | | | |
| Do CMND cũ | Thông tin trên CCCD không khớp | Mở bằng Giấy tờ khác | Không khớp họ tên | Do CMND cũ | Thông tin trên CCCD không khớp | Mở bằng Giấy tờ khác | Không khớp họ tên |
| ***I/ Tổng số tài khoản phát sinh giao dịch kể từ sau ngày 30/6/2022 (\*) (1)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 Tài khoản có số dư giao dịch (2) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 Tài khoản không có số dư giao dịch (3) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II/ Tổng số tài khoản không phát sinh giao dịch kể từ sau ngày 30/6/2022 (4)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Tài khoản có số dư giao dịch (5) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 Tài khoản không có số dư giao dịch (6) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng (7)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú: (\*)*** *phát sinh giao dịch mua, bán chứng khoán; (1)=(2)+(3); (4)=(5)+(6); (7)=(1)+(4).*

4. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: ……………………………….

5. Giải pháp, Kế hoạch triển khai tiếp theo: ……………………………….

6. Thông tin người lập báo cáo (họ tên, chức danh, email, số điện thoại liên hệ): ………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |